

Handwritten signature/initials

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 20 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: ...S.....
	Ngày: 25/12/2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 44/TTr-STC ngày 10 tháng 3 năm 2017 và Báo cáo số 313/BC-STC ngày 19 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng trả tiền dịch vụ

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau có sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

2. Đơn vị tổ chức thu tiền dịch vụ

Doanh nghiệp nhà nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau.

Điều 3. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

S TT	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã có VAT)	
			Thành phố Cà Mau	Các huyện còn lại
I	Hộ sinh hoạt gia đình			
	Hộ gia đình	Đồng/tháng	28.000	19.000
II	Hộ kinh doanh, dịch vụ quy mô nhỏ			
1	Các hộ kinh doanh cá thể theo quy mô hộ gia đình, kiot các loại	Đồng/tháng	34.000	30.000
2	- Kinh doanh giải khát - Nhà nghỉ dưới 05 phòng	Đồng/tháng	53.000	47.000
III	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, dịch vụ			
1	- Kinh doanh ăn uống - Nhà nghỉ từ 05 - 10 phòng - Dịch vụ y tế tư nhân - Trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch của các ngân hàng, doanh nghiệp, cửa hàng, đại lý bán hàng, bán lẻ - Trường học dưới 20 phòng học - Trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ, trạm y tế - Cơ sở thờ tự - Đơn vị lực lượng vũ trang	Đồng/tháng	60.000	48.000
	- Trụ sở cấp xã, phường, thị trấn			
2	- Trường học trên 20 phòng học - Trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề - Cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và thành phố; chi nhánh cơ quan Trung ương	Đồng/tháng	65.000	53.000
3	- Nhà nghỉ trên 10 phòng - Phòng khám đa khoa	Đồng/tháng	70.000	58.000
IV	Các đối tượng có khối lượng rác lớn thực hiện theo khối lượng thực tế			
1	Chợ, bệnh viện, trung tâm y tế, nhà hàng, khách sạn, cơ sở sản xuất của doanh nghiệp, bến tàu, bến xe, công viên, trung tâm thương mại, siêu thị, hội chợ	Đồng/m ³	145.000	110.000
2	- Các đối tượng có phát sinh rác đột xuất - Các đối tượng thuộc nhóm II và III nhưng có khối lượng vượt gấp đôi mức lớn nhất 0,48m ³ /tháng	Đồng/m ³	145.000	110.000

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

a) Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh môi trường theo quy định;

b) Thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt không vượt giá tối đa quy định tại Điều 3 Quyết định này thuộc phạm vi địa phương quản lý; đồng thời quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định hiện hành;

c) Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo địa bàn quản lý để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của các tổ chức, cá nhân tiến hành hành hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt;

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển hợp vệ sinh. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện nộp tiền giá dịch vụ thu gom, vận chuyển đầy đủ.

2. Các tổ chức cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

a) Căn cứ giá tối đa quy định tại Điều 3 Quyết định này để thu tiền giá dịch vụ theo quy định; thông báo rộng rãi về thời gian thu gom rác thải sinh hoạt tại các điểm dân cư; niêm yết giá và thông báo đến các đối tượng phải trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; cấp chứng từ khi thu tiền theo quy định và thu đúng mức giá đã thông báo;

b) Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định; cam kết công tác thu gom, vận chuyển hợp vệ sinh môi trường và phải chịu trách nhiệm về tình trạng rơi rớt rác thải sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển;

c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Đối tượng sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

a) Chi trả số tiền dịch vụ theo chứng từ do đơn vị tổ chức thu tiền dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này cung cấp; thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng;

b) Tập trung rác thải sinh hoạt vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi tập trung rác thải để đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải thực hiện việc thu gom, vận chuyển theo quy định.

4. Cơ quan Tài chính các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

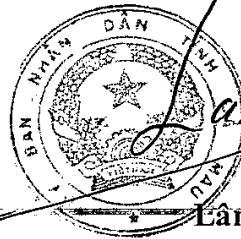
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT (Đ12.02);
- Lưu: VT. Tr 13/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi
Lâm Văn Bi